

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-AN GIANG
Bản án số: **72/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-7-2025
V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*
và *nuôi con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

2. Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2025, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXX ST- HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1998; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Kinh Mới, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh KG.

Nay là: Tổ 5, ấp Kinh Mới, xã Sơn Kiên, tỉnh AG.

* *Bị đơn* Anh **Mai Thanh TH**, sinh năm 1996; (Vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

Địa chỉ: Khu phố Tà Lúa, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh KG.

Nay là: Khu phố Tà Lúa, xã Mỹ Thuận, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và lời khai trong trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Tôi và anh TH do tự quen biết, thương yêu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới, có làm giấy đăng ký kết hôn số 168, ngày 19/12/2017 tại UBND TT Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh KG. Quá trình chung sống lúc đầu rất hạnh phúc và sinh được 01 người con đặt tên là Mai Như A, sinh ngày: 10/7/2018. Hiện con đang ở với tôi. Thời gian sau này do tính tình vợ chồng không hợp, sống không được hạnh phúc, luôn bất đồng ý kiến, thường cãi vã. Vợ chồng sống chung nhà mà không ai nói chuyện, quan tâm đến ai. Dù có hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được cuộc sống chung. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn

càng ngày càng trầm trọng không thể gắn nhau được. Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này gửi đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, yêu cầu giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn với Anh Mai Thanh TH.

Về con chung: có 01 con chung tên Mai Như Ý, sinh ngày 10/07/2018. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Mai Như A, sinh ngày 10/07/2018 và chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Mai Thanh TH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải chị Trần Thị Thu H có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn với Anh Mai Thanh TH.

Về con chung: có 01 con chung tên Mai Như A, sinh ngày 10/07/2018. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Mai Như Ý, sinh ngày 10/07/2018 và chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Mai Thanh TH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Mai Thanh TH đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Mai Thanh TH hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ: Khu phố Tà Lúa, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh KG. Nay là: Khu phố Tà Lúa, xã Mỹ Thuận, tỉnh AG. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-An Giang.

Anh Mai Thanh TH không có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đồng thời vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Mai Thanh TH là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị Trần Thị Thu H và anh Mai Thanh TH cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn số 168, ngày 19/12/2017 tại UBND TT Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh KG. Như vậy, việc kết hôn của chị H và anh Mai Thanh TH đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần vợ chồng có quan điểm khác nhau trong cuộc sống cũng như chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra những vụ tranh cãi, gây gổ vì những bất đồng tương như nhỏ nhặt trong cuộc sống mặc dù được bố mẹ hai bên khuyên ngăn hoà giải nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ nhiều tháng nay. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm để tốt nhất cho cả hai vợ chồng quyết định lựa chọn ly hôn là phương án cuối cùng nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh TH.

Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân chị H và anh Mai Thanh TH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Hơn nữa, việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay chị H kiên quyết không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh TH, đồng thời hai bên cũng đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh TH.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Mai Như Ý, sinh ngày 10/07/2018. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Mai Như A, sinh ngày 10/07/2018 và chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Mai Thanh TH cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Trong thời gian chị H và anh TH sống ly thân với nhau cho đến nay cháu Mai Như Ý, sinh ngày 10/07/2018 do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, cháu Ý cũng có nguyện vọng sống với chị H. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu A, Hội đồng xét xử thấy nên xử giao cháu Mai Như A, sinh ngày 10/07/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung có thể khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Thu H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số

00011192 ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD, tỉnh KG nên không phải nộp thêm.

[4]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Mai Thanh TH.

- Về con chung: Xử giao 01 người con chung tên Mai Như Ý, sinh ngày 10/07/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu A). Chị H không yêu cầu anh TH phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Mai Thanh TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Thu H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007256 ngày 15 tháng 07 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự HD,KG nên không phải nộp thêm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Bảo quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Thanh TH có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV4-AG;
- THADS T.AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Toán

